

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/ DSST

Ngày 21-5- 2019

V/v Tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Anh Tính
2. Ông Nguyễn Quốc Trị

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền- Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/ 2019/TLST- DS ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST - DS ngày 10/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/ 2019/ QĐST- DS ngày 02/5/2019 của Toà án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1964

Địa chỉ: Tô dân phố Q, thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Đương sự có mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn : Ông Võ Văn N – sinh năm 1979 và bà Lâm Ngọc Ánh N1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn T, xã U, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn K, xã D, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Đương sự có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Sau khi được ông Nguyễn C giới thiệu thì vào đầu tháng 3 năm 2017, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đến gặp ông đặt vấn đề hỏi mua vật liệu xây dựng của ông để xây dựng chuồng nuôi heo, anh N và chị N1 cam kết sau khi lấy vật liệu xây dựng chuồng heo xong thì sẽ thanh toán trả tiền cho ông, không để nợ, nên ông đã đồng ý. Bắt đầu từ ngày 28/3/2017 đến ngày 28/4/2017 anh N và

chị N1 đến đại lý của ông để lấy vật liệu xây dựng, tổng cộng số tiền vật liệu xây dựng anh N và chị N1 mua nợ là 75.000.000đồng, nhưng sau đó anh N và chị N1 không trả tiền như đã hứa.

Có 03 lần ông đi cùng ông Nguyễn C và nhiều lần ông đi một mình đến đòi nợ nhưng anh N và chị N1 cứ hứa hẹn. Đến ngày 08/02/2018 anh N và chị N1 viết giấy ghi nhận có nợ của ông số tiền mua vật liệu xây dựng là 75.000.000 đồng và anh N, chị N1 hẹn đến ngày 17/3/2018 sẽ trả đủ tiền cho ông. Nhưng mãi đến ngày 20/10/2018, anh N chị N1 mới gửi người quen đem đến trả cho ông được 10.000.000đồng, hai bên không viết lại giấy ghi nhận, kể từ đó đến nay anh N, chị N1 không trả nợ cho ông nữa. Kể từ đó trở đi, mỗi lần ông đến đòi nợ thì anh N, chị N1 đều trốn tránh không gặp mặt ông.

Vì vậy, nay ông yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mua vật liệu xây dựng của ông còn nợ lại là 65.000.000đồng, ông không yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện R đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1, nhưng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đều vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai và không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự là bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 429, Điều 430, Điều, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 65.000.000đồng. Về án phí: Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; Tại Biên bản xác minh Công an xã U cung cấp thông tin bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 vẫn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Thôn T, xã U, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, hiện nay anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 không có mặt tại nơi cư trú, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đi đâu, làm gì địa phương không rõ, tuy nhiên, tại địa chỉ này hiện nay trang trại và nơi ở của anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 vẫn còn tồn tại, vì vậy vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng : Trong thời gian mua tài sản của ông H và trong “Giấy hẹn nợ” lập ngày 08/02/2018 anh Võ Văn N, chị Lâm Ngọc Ánh N1 ghi địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu là Thôn T, xã U, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay anh N và chị N1 vẫn còn đăng ký hộ khẩu, còn trang trại, nhà ở tại Thôn T, xã U, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, do đó đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 277 và khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định: “ a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;”

Bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho ông Nguyễn Văn H biết về nơi cư trú mới nên theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, vì vậy vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đã bỏ đi khỏi địa phương, gửi ba người con của anh, chị cho cha mẹ đẻ của chị N1 ở tại xã M, huyện R nuôi dưỡng. Tòa án cũng đã xác minh và cha đẻ của chị N1 là ông Lâm Sỹ H1 đã cung cấp thông tin anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 đi khỏi địa phương, không về thăm con, gia đình ông cũng không biết anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 hiện cư trú, làm việc ở đâu.

Qua xác minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã U cho biết, vào ngày 07/5/2019 anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 có mặt tại địa phương để khai thác cây keo bán, nhưng anh N và chị N1 không xin phép và chưa thực hiện xong nghĩa vụ tại địa phương nên đã bị UBND xã U lập biên bản đình chỉ việc khai thác keo, anh N và chị N1 đã ký tên vào biên bản đình chỉ và sau đó không thấy anh N, chị N1 có mặt tại địa phương nữa.

Tại phiên tòa ngày 02/5/2019, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 21/5/2019, anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1.

[3] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn H cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính “Giấy hẹn nợ” lập ngày 08/02/2018 có tên người viết và ký giấy hẹn nợ là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1. Ông Nguyễn Văn H cũng đã thực hiện việc gửi đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo cho anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 qua đường bưu chính, Tòa án cũng đã thực hiện thực hiện niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ở, Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của anh Võ Văn N, chị Lâm Ngọc Ánh N1 và tại Tòa án, nhưng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình.

Người làm chứng là ông Nguyễn C đã khai nhận việc ông giới thiệu anh N, chị N1 đến mua vật liệu nợ của ông H, có 03 lần ông C đi cùng ông H đến nhà anh N, chị N1 để đòi nợ tiền mua vật liệu xây dựng, nhưng anh N và chị N1 hứa hẹn mà không trả, vào năm 2018 anh N và chị N1 có viết giấy hẹn trả nợ cho ông H với số tiền là 75.000.000đồng, sau đó đã trả được 10.000.000đồng nên hiện nay anh N và chị N1 còn nợ của ông H số tiền là 65.000.000đồng.

“Giấy hẹn nợ” lập ngày 08/02/2018 có tên người viết và ký giấy hẹn nợ là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1, quá ngày hẹn trả nợ nhưng anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 không trả nợ nên ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 65.000.000đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Ông Nguyễn Văn H không yêu cầu anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải trả tiền lãi do chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận;

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, buộc bị đơn là anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền là 65.000.000đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Võ Văn N và chị Lâm Ngọc Ánh N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.250.000đồng.

- Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.625.000đồng mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004309 ngày 14/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện R.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình